



Số: 33 /BC-QLĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2019

## Báo cáo

### Khảo sát đánh giá cuối khóa học sinh viên tốt nghiệp đợt 2 năm 2018

Kính gửi: Ban Giám Hiệu

Theo chỉ đạo của Ban Giám Hiệu về việc triển khai công tác khảo sát đánh giá cuối khóa học, Phòng Quản lý Đào tạo báo cáo kết quả khảo sát đánh giá cuối khóa học sinh viên tốt nghiệp đợt 2 - năm 2018 như sau:

#### 1. THÔNG TIN KHẢO SÁT:

- Đối tượng khảo sát: sinh viên tốt nghiệp đợt 2 - năm 2018.
- Số lượng sinh viên tốt nghiệp: 1.195 sinh viên
- Hình thức khảo sát: sinh viên trả lời câu hỏi khảo sát trên Google Form.
- Thời gian khảo sát: sinh viên trả lời khảo sát từ ngày 17/9/2018 đến ngày 31/10/2018.
- Quy trình: Phòng Quản lý Đào tạo dùng địa chỉ email [quanlydaotao@ou.edu.vn](mailto:quanlydaotao@ou.edu.vn) gửi email cho sinh viên tốt nghiệp đợt 2 – năm 2018. Sinh viên thực hiện trả lời phiếu khảo sát đánh giá cuối khóa học sinh viên tốt nghiệp đợt 2 – năm 2018. Phòng Quản lý Đào tạo xuất dữ liệu từ Google Form và tiến hành lọc dữ liệu, phân tích dữ liệu và viết báo cáo.
- Tổng số dữ liệu sinh viên phản hồi trên Google Form là 234 mẫu tin nhưng có 5 mẫu tin phản hồi trùng lặp, 1 mẫu tin là sinh viên chưa tốt nghiệp. Nên số mẫu tin hợp lệ là **228** mẫu tin chiếm tỷ lệ **100%**.

#### 2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT:

- Thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp có phản hồi về tình hình việc làm theo từng ngành cụ thể như sau:

Stt	KHOA	NGÀNH	SINH VIÊN TỐT NGHIỆP			SINH VIÊN PHẢN HỒI			CÓ VIỆC LÀM			CHƯA CÓ VIỆC LÀM		
			LT	ĐH	B2	LT	ĐH	B2	LT	ĐH	B2	LT	ĐH	B2
1	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	23	25		5	18	0	5	12	0	0	6	0
		Hệ thống thông tin quản lý		34		0	19	0	0	17	0	0	2	0
2	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học		118		0	16	0	0	9	0	0	7	0
3	Xây dựng	Xây dựng		3		0	0	0	0	0	0	0	0	0
		CNKT Công trình xây dựng		7		0	2	0	0	1	0	0	1	0
4	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	94	158	3	23	19	2	22	16	2	1	3	0

5	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	11	50		3	12	0	2	9	0	1	3	0
6	Kế toán và Kiểm toán	Kế toán	50	108	7	13	14	3	12	10	3	1	4	0
7	Kinh tế và quản lý công	Kinh tế		51		0	9	0	0	7	0	0	2	0
8	Luật	Luật kinh tế		138	7	0	21	2	0	13	2	0	8	0
9	XHH - CTXH - ĐNA	Xã hội học		42		0	7	0	0	6	0	0	1	0
		Công tác xã hội		18		0	6	0	0	4	0	0	2	0
		Đông Nam Á học		34		0	3	0	0	1	0	0	2	0
10	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh		26	1	0	3	0	0	3	0	0	0	0
		Tiếng Nhật		1		0	0	0	0	0	0	0	1	0
		Ngôn ngữ Nhật		30		0	4	0	0	3	0	0	0	0
		Ngôn ngữ Trung Quốc		13		0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Đào tạo Đặc biệt	Quản trị kinh doanh		61			11			10			1	
		Tài chính - Ngân hàng		19			3			1			2	
		Kế toán		18			0			0			0	
		Luật kinh tế		22			4			3			1	
		Ngôn ngữ Anh		23			6			4			2	
<b>Tổng:</b>			<b>178</b>	<b>999</b>	<b>18</b>	<b>44</b>	<b>177</b>	<b>7</b>	<b>41</b>	<b>129</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>48</b>	<b>0</b>
<b>Tổng cộng:</b>			<b>1195</b>			<b>228</b>			<b>177</b>			<b>51</b>		



## PHẦN 1: ĐÁNH GIÁ VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- 1.00 < TBình ≤ 1.80 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Kém”.  
1.80 < TBình ≤ 2.60 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Yếu”.  
2.60 < TBình ≤ 3.40 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Trung bình”.  
3.40 < TBình ≤ 4.20 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Khá”.  
4.20 < TBình ≤ 5.00 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Tốt”.

Mẫu được chọn từ những phản hồi có trả lời một hoặc nhiều hơn một câu hỏi phần đánh giá về chương trình Đào tạo: **228** mẫu tin

Stt	Nội dung	TBình	Kết luận
1	Khóa học có thực hiện đúng mục đích đào tạo nhà trường đã đề ra đầu khóa học	3.84	Khá
2	Tính phù hợp và cập nhật của chương trình đào tạo	3.75	Khá
3	Khả năng áp dụng thực tế những kiến thức sinh viên đã học	3.52	Khá
4	Khóa học giúp nâng cao kỹ năng làm việc	3.54	Khá
5	Khóa học giúp nâng cao chuyên môn nghiệp vụ	3.43	Khá
6	Khóa học cung cấp thông tin mới, giúp mở mang kiến thức	3.82	Khá
7	Khóa học tạo điều kiện mở rộng cơ hội nghề nghiệp	3.66	Khá
8	Thời lượng của khóa học hợp lý	3.79	Khá
9	Việc sắp xếp các môn học theo trình tự hợp lý	3.64	Khá
10	Tính phù hợp của học phí toàn khóa	3.52	Khá
11	Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập	3.75	Khá

## PHẦN 2: PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN

- 1.00 < TBình ≤ 1.80 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Kém”.  
1.80 < TBình ≤ 2.60 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Yếu”.  
2.60 < TBình ≤ 3.40 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Trung bình”.  
3.40 < TBình ≤ 4.20 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Khá”.  
4.20 < TBình ≤ 5.00 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Tốt”.

Mẫu được chọn từ những phản hồi có trả lời một hoặc nhiều hơn một câu hỏi phần đánh giá về phương pháp giảng dạy: **228** mẫu tin

Stt	Nội dung	TBình	Kết luận
12	Sự nhiệt tình trong giảng dạy	3.99	Khá
13	Khả năng khuyến khích sự say mê các chủ đề trong môn học	3.64	Khá
14	Khả năng khuyến khích học nhóm, tự nghiên cứu trong khi học	3.75	Khá
15	Phương pháp giảng dạy tạo điều kiện cho sinh viên tiếp tục tự học suốt đời	3.58	Khá
16	Mức độ quan tâm đến việc tiếp thu bài giảng của sinh viên	3.60	Khá
17	Mức độ sẵn lòng hỗ trợ sinh viên ngoài giờ giảng trên lớp	3.76	Khá



18	Giao tiếp giữa Giảng viên và sinh viên	3.86	Khá
19	Giáo trình và tài liệu tham khảo	3.71	Khá
20	Ứng dụng Công nghệ thông tin vào trong giảng dạy	3.75	Khá

### PHẦN 3: HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA VÀ KỸ NĂNG

- 1.00 < TBình ≤ 1.80 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “**Kém**”.
- 1.80 < TBình ≤ 2.60 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “**Yếu**”.
- 2.60 < TBình ≤ 3.40 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “**Trung bình**”.
- 3.40 < TBình ≤ 4.20 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “**Khá**”.
- 4.20 < TBình ≤ 5.00 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “**Tốt**”.

Mẫu được chọn từ những phản hồi có trả lời một hoặc nhiều hơn một câu hỏi phần đánh giá về hoạt động ngoại khóa và kỹ năng: **228** mẫu tin

Stt	Nội dung	TBình	Kết luận
21	Nhiều hoạt động ngoại khóa	3.61	Khá
22	Các Câu lạc bộ	3.39	Trung bình
23	Các lớp kỹ năng	3.25	Trung bình
24	Báo cáo chuyên đề	3.55	Khá
25	Kiến tập	3.41	Khá
26	Thực tập	3.66	Khá

### PHẦN 4: BỘ PHẬN QUẢN LÝ

- 1.00 < TBình ≤ 1.80 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “**Kém**”.
- 1.80 < TBình ≤ 2.60 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “**Yếu**”.
- 2.60 < TBình ≤ 3.40 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “**Trung bình**”.
- 3.40 < TBình ≤ 4.20 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “**Khá**”.
- 4.20 < TBình ≤ 5.00 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “**Tốt**”.

Mẫu được chọn từ những phản hồi có trả lời một hoặc nhiều hơn một câu hỏi phần đánh giá về Bộ phận quản lý: **228** mẫu tin

Stt	Nội dung	TBình	Kết luận
27	Tôn trọng sinh viên	3.81	Khá
28	Tạo mọi cơ hội để sinh viên học tập	3.86	Khá
29	Thông tin kịp thời đến sinh viên	3.61	Khá
30	Quan hệ giữa văn phòng Khoa và sinh viên	3.58	Khá
31	Quan hệ giữa giáo viên chủ nhiệm và sinh viên	3.50	Khá
32	Quan hệ giữa Cố vấn học tập và sinh viên	3.47	Khá
33	Hiệu quả quản lý đào tạo của nhà Trường nói chung đối với sinh viên	3.58	Khá
34	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý sinh viên	3.72	Khá

## PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VỀ KHÓA HỌC

- 1.00 < TBình ≤ 1.80 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Kém”.  
1.80 < TBình ≤ 2.60 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Yếu”.  
2.60 < TBình ≤ 3.40 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Trung bình”.  
3.40 < TBình ≤ 4.20 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Khá”.  
4.20 < TBình ≤ 5.00 : Kết luận nhận nội dung phản hồi là “Tốt”.

Mẫu được chọn từ những phản hồi có trả lời cho câu hỏi “Mức độ hài lòng tổng quát của sinh viên đối với khóa học này”: 228 mẫu tin

Stt	Nội dung	TBình	Kết luận
35	Mức độ hài lòng tổng quát của sinh viên đối với khóa học này	3.78	Khá

- Sinh viên trả lời cho câu hỏi “Có dự định học tiếp không ?” nhận được kết quả phản hồi như sau:

Có dự định học tiếp không ?	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ sinh viên (%)
Có	96	42.11%
Không	132	57.89%
<b>Tổng cộng:</b>	<b>228</b>	<b>100%</b>

## PHẦN 6: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua kết quả khảo sát đánh giá cuối khóa học sinh viên tốt nghiệp đợt 2 năm 2018 về chất lượng đào tạo của Nhà trường trong toàn khóa học (4 năm học), cho thấy đa số sinh viên hài lòng về toàn khóa học đánh giá từ mức Khá trở lên bao gồm các nội dung như: Chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy của giảng viên, hoạt động ngoại khóa và kỹ năng, bộ phận quản lý. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội thì Nhà Trường cần cải tiến những vấn đề như:

- Nhà Trường cần rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp hơn với thực tiễn. Đáp ứng chuẩn đầu ra, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.
- Giảng viên cần phải cải tiến phương pháp giảng dạy giúp cho người học tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả nhất.
- Nhà trường cần có nhiều Câu lạc bộ, các lớp kỹ năng giúp cho sinh viên có nhiều kỹ năng hơn là một lợi thế khi xin việc làm.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: P.QLĐT.

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

  
Nguyễn Minh Hà